

Thứ sáu, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Hồi phục về cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/11/2020		•	
Tuần 2/11-6/11/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một ngày dao động giằng co và chủ yếu duy trì quanh 920 điểm, tuy nhiên, lực cầu gia tăng trong phiên ATC đã giúp chỉ số đóng cửa trong sắc xanh. Dòng tiền đầu tư tiếp tục có sự cải thiện với 13/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX nhưng đã mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tương đối tích cực cho thấy động lực mua đang dần quay trở lại. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ tiếp tục có diễn biến hồi phục trong tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 920 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2020, cả chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_EVFTA_1.4%

Phân tích kỹ thuật: MWG_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +6.39 điểm, đóng cửa 925.47. HNX-Index +0.97 điểm, đóng cửa 135.34.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+5.79); VNM (+0.65); GVR (+0.52); MWG (+0.31); PLX (+0.28).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (-0.62); TCB (-0.43); GAS (-0.32); VRE (-0.19); VHM (-0.18).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,099 tỷ đồng, -15.48% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 15.12 điểm. Thị trường có 225 mã tăng, 79 mã tham chiếu và 181 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -574.2 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MSN (-229.4 tỷ), VNM (-82.7 tỷ) và HPG (-38.6 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 0.99 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **925.47**
Giá trị: 6099.23 tỷ 6.39 (0.7%)
Khối ngoại (ròng): -574.2 tỷ

HNX-INDEX **135.34**
Giá trị: 592.05 tỷ 0.97 (0.72%)
Khối ngoại (ròng): 0.99 tỷ

UPCOM-INDEX **62.85**
Giá trị: 0.52 tỷ 0.11 (0.18%)
Khối ngoại(ròng): 7.14 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	36.2	0.00%
Giá vàng	1,871	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,178	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,085	-0.66%
Tỷ giá JPY/VND	22,229	0.32%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	23.78%
LS TPCP 5 năm	1.3%	2.38%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	45.3	MSN	229.4
SSI	20.4	VNM	82.7
STB	19.0	HPG	38.6
DGW	16.4	VRE	29.8
VHM	16.0	KDH	24.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_EVFTA_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
EVFTA	1.4%	-3.5%	-2.1%	-2.1%	-1.1%	-1.1%	17.3%
FTSE Việt Nam	1.4%	-2.0%	4.3%	4.3%	13.9%	1.7%	25.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.4%	-2.0%	-1.5%	-1.5%	18.6%	19.5%	28.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.4%	-4.1%	2.9%	2.9%	21.2%	2.5%	29.6%
Chiến tranh thương mại	1.2%	-2.1%	1.2%	1.2%	24.4%	7.6%	30.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.1%	-4.0%	4.0%	4.0%	20.2%	-3.5%	31.8%
Vật liệu Xây dựng	1.1%	-2.1%	2.9%	2.9%	23.5%	20.6%	28.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.0%	-2.6%	6.0%	6.0%	15.8%	0.3%	24.9%
Hàng tiêu dùng	1.0%	-1.9%	6.5%	6.5%	25.9%	15.6%	28.9%
VN Diamond	0.8%	-5.9%	1.7%	1.7%	17.1%	-3.7%	30.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	-3.6%	5.9%	5.9%	23.7%	9.9%	27.1%
Dầu khí	0.8%	-4.3%	-5.9%	-5.9%	5.9%	-19.1%	38.3%
Xây dựng	0.8%	-3.6%	-2.2%	-2.2%	19.9%	10.9%	30.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.7%	-3.1%	-1.3%	-1.3%	13.7%	0.6%	24.7%
Stay-at-home	0.6%	-1.8%	-1.9%	-1.9%	18.7%	24.2%	32.7%
Corona Avengers	0.4%	-4.1%	-2.0%	-2.0%	14.4%	10.2%	33.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	-3.1%	2.6%	2.6%	18.4%	3.8%	27.5%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	-0.5%	0.8%	0.8%	15.2%	5.5%	21.1%
Nước & Năng lượng	0.3%	-3.2%	-3.4%	-3.4%	12.0%	0.8%	25.4%
Đầu tư công	0.2%	-3.5%	-1.5%	-1.5%	23.0%	16.0%	25.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	-5.6%	3.1%	3.1%	21.3%	13.9%	30.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	-3.3%	-1.2%	-1.2%	17.6%	20.2%	21.2%
Lãi suất giảm	-0.1%	-2.2%	-1.9%	-1.9%	20.9%	17.2%	31.6%
VN FinSelect	-0.2%	-7.1%	-0.1%	-0.1%	13.1%	0.8%	29.7%
Ngân Hàng	-0.2%	-6.8%	3.9%	3.9%	25.6%	14.7%	33.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.2%	-7.1%	-0.3%	-0.3%	13.5%	1.0%	31.2%

Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.9%	-3.4%	4.5%	4.5%	21.9%	-1.2%	33.4%
L32	1.3%	-2.2%	8.3%	8.3%	24.2%	0.2%	30.6%
L11	1.2%	-2.6%	1.0%	1.0%	16.6%	3.5%	24.4%
M12	1.2%	-2.9%	3.0%	3.0%	15.3%	2.8%	25.5%
M31	1.0%	-4.5%	2.6%	2.6%	21.8%	5.7%	30.3%
L22	0.9%	-3.5%	0.5%	0.5%	20.1%	1.9%	27.7%
S21	0.8%	-3.1%	1.3%	1.3%	22.6%	6.0%	27.6%
M22	0.6%	-4.0%	1.7%	1.7%	15.7%	9.6%	25.7%
S11	0.3%	-2.3%	3.6%	3.6%	21.7%	20.8%	25.6%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.8%	-3.2%	3.9%	3.9%	20.2%	4.3%	28.4%
LOW1	0.7%	-3.8%	0.9%	0.9%	12.5%	0.9%	25.4%
MID1	0.6%	-2.4%	2.0%	2.0%	22.5%	18.2%	25.4%

INDEX							
VNINDEX	0.7%	-3.7%	2.2%	2.2%	12.2%	-3.7%	24.3%
VN30INDEX	0.7%	-4.1%	4.0%	4.0%	15.8%	1.5%	25.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	13	13	17	9	10	16
Mục tiêu	9	7	2	7	2	5	4
Rủi ro	3	1	2	2	1	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 30/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	36.56	1.08%	-8.30%	-9.70%	-28.95%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	38.10	1.20%	-8.80%	-9.90%	-34.63%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	105.15	-2.76%	-9.20%	-10.20%	-29.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1874.30	0.36%	-1.50%	-0.60%	28.06%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.48	0.93%	-4.60%	1.00%	38.30%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1058.00	0.71%	-2.10%	3.00%	8.49%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	605.75	0.33%	-4.30%	4.80%	12.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.28	0.00%	4.90%	25.00%	34.64%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	258.09	2.36%	16.50%	48.00%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.40	-3.29%	-2.60%	7.30%	7.14%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	104.60	-0.38%	-2.00%	-4.50%	-6.02%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6729.50	-0.27%	-2.80%	2.30%	16.09%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	553.01	1.41%	1.30%	6.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	576.93	0.94%	1.10%	7.20%			
Nhôm	USD/ton	1803.00	-0.36%	-2.40%	1.10%	2.74%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.15	1.98%	0.50%	3.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	58.90	-0.76%	2.60%	-4.10%	-21.10%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 1.47 USD (3.7%) xuống 37.65 USD/thùng. Dầu Brent kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 4% còn 38.11 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng giảm 1.22 USD (3.26%) xuống 36.17 USD/thùng.
- Số ca nhiễm Covid-19 mới gia tăng ở khắp Châu Âu. Pháp sẽ yêu cầu mọi người dân ở nhà kể từ ngày 30/10, ngoại trừ những trường hợp thật cần thiết; trong khi đó Đức sẽ cho đóng cửa các quán bar, nhà hàng và nhà hát kể từ ngày 2/11/2020 cho đến hết tháng 11/2020. Số ca nhiễm mới ở Mỹ cũng đang tăng mạnh
- Trong khi đó, nguồn cung từ Libya tăng nhanh. Nước này hiện đang sản xuất 680,000 thùng dầu mỗi ngày, và dự kiến tăng lên 1 triệu thùng/ngày trong vài tuần tới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.5% xuống 1,867.4 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 0.6% xuống 1,868 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.7% lên 779.5 CNY (116.18 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn Singapore giảm 0.3% xuống 114.3 USD/tấn.
- Nhập khẩu quặng sắt Australia vào Trung Quốc trong tuần qua giảm xuống 14 triệu tấn, mức thấp nhất kể từ tuần thứ 3 của tháng 9. Trong khi đó, nhập khẩu từ Brazil tăng lên 3.97 triệu tấn, từ mức 3.79 triệu tấn của tuần trước, mặc dù vẫn thấp hơn mức trung bình khoảng 5.1 triệu tấn của giai đoạn tháng 9-10.
- Thị trường quặng sắt đang được hỗ trợ bởi lo ngại về sự tắc nghẽn ở các cảng biển Trung Quốc, cũng như bởi các nhà đầu tư chờ đợi kế hoạch kinh tế của Trung Quốc – được công bố tại Đại hội Trung ương Đảng

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka giảm 12.3 JPY (4.5%) xuống 262 JPY/kg, sau khi đã tăng gần 40% trong 9 phiên liền trước. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 2.8% xuống 15,770 CNY/tấn.
- Theo kết quả thăm dò này, các chuyên gia cho rằng, hoạt động của các nhà máy ở Trung Quốc chắc chắn sẽ tăng chậm lại trong tháng 10/2020, mặc dù nền kinh tế vẫn đang hồi phục sau đại dịch Covid-19.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE giảm 0.4 US cent (0.4%) xuống 1.046 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London giảm 10 USD (0.7%) xuống 1,337 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.49 US cent (3.3%) trong phiên vừa qua, xuống 14.4 US cent/lb do lo ngại về triển vọng nhu cầu, nhất là ở thị trường Châu Âu. Việc nhiều quỹ hàng hóa bán tháo hàng đi trước ngày bầu cử Tổng thống Mỹ cũng góp phần gia tăng áp lực giảm giá. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London giảm 10 USD xuống 386.6 USD/tấn. Gạo 5% tấm của Việt Nam giá tăng lên 469 USD/tấn, từ mức 485 – 495 USD/tấn cách đây một tuần. Gạo 5% tấm của Thái Lan giá cũng tăng lên 452 – 480 USD/tấn, từ mức 435 – 440 USD/tấn hồi tuần trước. Gạo đỏ 5% của Ấn Độ tấm giá giảm xuống 370 – 375 USD/tấn, từ mức 372 - 377 USD/tấn hồi tuần trước

	30/10	% 30/10	29/10	% 29/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	925.47	0.70%	919.08	-0.21%	-3.72%	2.24%
S&P 500			3310.11	1.19%	-4.15%	-0.76%
HĐTL S&P500	3256.75	-1.38%	3302.25	1.19%	-5.65%	-2.84%
Shang- hai	3224.53	-1.47%	3272.73	0.11%	-1.63%	-1.52%
Euro Stoxx	2946.47	-0.46%	2960.03	-0.12%	-7.89%	-7.74%

Phân tích kỹ thuật

MWG_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: MWG đang nằm trong xu hướng tích lũy ngắn hạn tựa ngưỡng giá 105.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD chưa xác nhận tín hiệu hồi phục trong khi chỉ báo RSI đang ủng hộ nhịp hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt trở lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế cổ phiếu quanh ngưỡng giá 105.0 và cần nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 120.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 100.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC điều chỉnh giảm nhẹ dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của MWG do yếu tố dịch Covid-2019, ước đạt lần lượt 107,412 tỷ đồng (+5.1% YoY) và 3,571 tỷ đồng (-6.9% YoY). EPS FW 2020 = 7,880 đồng.

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi đánh giá triển vọng KQKD của 2021 của MWG sẽ khả quan nhờ (1) Tối ưu hóa mô hình BHX sau khi đã đẩy mạnh mở rộng cửa hàng và chuỗi DC trong năm 2020 và (2) Nền tảng KQKD thấp trong năm 2020.

- Sức mua tiêu dùng đối với các mặt hàng không thiết yếu dần phục hồi khi dịch bệnh Covid-19 được khống chế.

Rủi ro Đầu tư Rủi ro về khả năng hồi phục sức mua sau dịch Covid-19

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu chậm đối với các cửa hàng khu vực tỉnh và khả năng tối ưu hóa chi phí ở mức thấp cho chuỗi BHX trong năm 2021

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express MWG 2020Q3**

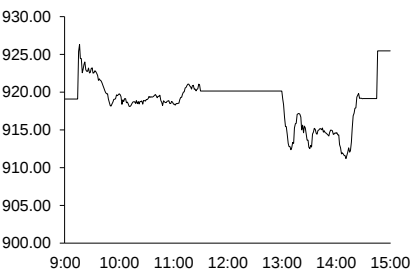
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.53%
Ngân hàng	-0.29%
Tài nguyên Cơ bản	-0.16%
Du lịch và Giải trí	-0.15%
Ô tô và phụ tùng	-0.10%
Truyền thông	-0.06%
Y tế	0.31%
Xây dựng và Vật liệu	0.38%
Thực phẩm và đồ uống	0.42%
Bảo hiểm	0.44%
Dịch vụ tài chính	0.73%
Viễn thông	0.75%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.88%
Công nghệ Thông tin	1.03%
Dầu khí	1.47%
Bán lẻ	1.76%
Bất động sản	2.09%
Hóa chất	2.17%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.37%

Hình 1

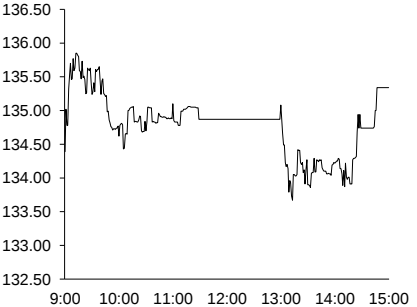
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/29/2020	IMP	49	58	46	49.1	1	0.20%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	42.2	48	38	41	2	-2.84%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	25	3	2.88%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	24.05	8	-2.24%	Có thể tiếp tục mua
10/21/2020	DHC	46	52	44	46.4	9	0.87%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	23.8	10	-4.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	51.5	14	-3.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	61.6	15	-0.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	14.7	29	-3.92%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	108	31	-1.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.05	35	-11.45%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	10.85	38	-5.24%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	13.85	39	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	51.8	43	-2.81%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	26.75	46	0.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	23.2	49	-3.73%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.45	50	-1.47%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19	52	0.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	23.35	64	-8.07%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	42.2	81	-4.95%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	37.5	128	22.19%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76	136	1.47%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

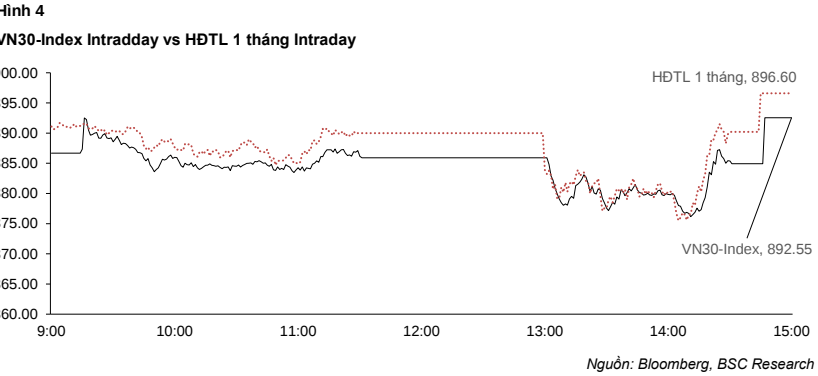
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	SL	23	-4.18%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	SL	30	-5.41%
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	SL	36	-6.29%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	14	3.64%	-4.02%	-1.24%	40
Cổ phiếu đã chốt	46	35	12.28%	-7.57%	3.70%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	896.60	1.03%	4.05	0.2%	215,946	11/19/2020	20
VN30F2012	891.50	0.72%	-1.05	-7.7%	796	12/17/2020	48
VN30F2103	888.00	0.48%	-4.55	-37.9%	82	3/18/2021	139
VN30F2106	888.00	1.05%	-4.55	-78.0%	156	6/17/2021	230

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +5.87 điểm, lên 892.55 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MWG, VNM, VPB, và PNJ tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch điều chỉnh giảm xuống quanh 880 điểm, sau đó quay đầu tăng mạnh cuối phiên chiều lên trên 890 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 880-890 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 920 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2007	11/20/2020	21	5:1	193,620	40.38%	1,670	3,200	12.28%	3,330	0.96	61,350	53,000	69,500
CVIC2005	6/11/2021	224	10:1	426,020	36.53%	1,500	1,740	8.75%	1,336	1.30	121,868	106,868	106,500
CMWG2013	6/30/2021	243	2:1	69,460	42.15%	12,000	11,300	2.73%	10,062	1.12	#N/A	94,672	104,700
CMWG2012	2/8/2021	101	5:1	166,020	42.15%	4,390	5,610	2.56%	5,343	1.05	100,539	78,893	104,700
CSTB2010	6/11/2021	224	2:1	388,160	45.35%	1,100	1,630	1.88%	1,350	1.21	14,199	11,999	13,300
CHPG2016	1/14/2021	76	2:1	150,140	37.67%	2,200	5,350	1.71%	2,032	2.63	31,900	27,500	30,550
CHPG2010	4/5/2021	157	4:1	344,170	37.67%	1,800	1,980	1.54%	561	3.53	40,300	33,100	30,550
CHPG2008	11/30/2020	31	1:1	88,010	37.67%	4,100	9,590	1.16%	3,027	3.17	32,100	28,000	30,550
CVNM2011	6/11/2021	224	20:1	691,960	32.30%	1,100	1,050	0.96%	207	5.08	127,438	109,387	108,000
CHPG2012	1/18/2021	80	1:1	72,310	37.67%	6,100	11,500	0.88%	4,857	2.37	32,600	26,500	30,550
CHPG2014	4/19/2021	171	1:1	106,330	37.67%	7,200	12,330	0.33%	5,778	2.13	33,700	26,500	30,550
CHPG2017	2/18/2021	111	4:1	538,450	37.67%	1,000	1,220	-1.61%	904	1.35	32,888	28,888	30,550
CHPG2020	6/30/2021	243	1:1	248,960	37.67%	5,700	7,080	-2.34%	6,725	1.05	#N/A	26,000	30,550
CHPG2019	12/18/2020	49	2:1	356,500	37.67%	1,630	3,250	-2.69%	3,331	0.98	27,360	24,100	30,550
CVPB2009	11/20/2020	21	2:1	375,820	45.32%	1,630	1,800	-2.70%	1,766	1.02	23,460	20,200	23,600
CMWG2007	11/30/2020	31	1:1	75,710	42.15%	12,900	18,910	-4.01%	18,362	1.03	98,518	85,796	104,700
CVHM2007	2/8/2021	101	5:1	655,660	38.30%	2,900	1,600	-4.76%	1,412	1.13	89,500	75,000	76,000
CTCB2010	4/1/2021	153	2:1	686,120	38.85%	2,000	1,490	-8.02%	1,131	1.32	25,500	21,500	21,350
CMWG2010	1/14/2021	76	10:1	1,350,560	42.15%	1,400	2,540	-8.96%	2,427	1.05	94,672	80,865	104,700
CTCB2009	3/30/2021	151	1:1	842,300	38.85%	4,400	2,480	-12.06%	2,025	1.22	#N/A	22,000	21,350
Tổng				7,826,280	39.29%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2020, cả chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

- CPNJ2007 và CMSN2008 tăng mạnh lần lượt là 12.28% và 8.87%. Trái lại, CDPM2002 và CVRE2005 giảm mạnh lần lượt là -27.44% và -14.17%. Giá trị giao dịch tăng 1.98%. CMWG2010 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.20% thị trường.
- CMSN2012, CMSN2001, CMSN2006, CMSN2010, và CMSN2008 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2008, CMSN2011, và CMSN2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	104.7	2.3%	1.2	2,060	6.4	8,517	12.3	3.3	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	69.5	4.0%	1.3	680	3.4	4,592	15.1	3.2	48.9%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	50.5	0.6%	1.5	1,630	1.6	1,625	31.1	1.9	28.4%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.4	0.3%	0.3	286	0.1	2,729	10.8	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	106.5	5.8%	0.9	15,662	4.4	2,336	45.6	4.3	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	25.3	-1.2%	1.1	2,500	5.5	1,001	25.3	2.0	30.3%	8.1%	
VHM	Bất động sản	76.0	-0.3%	1.2	10,870	9.9	6,895	11.0	3.3	21.9%	35.4%	
DXG	Bất động sản	11.5	0.9%	1.4	259	3.8	(151)	N/A	N/A	0.9	35.6%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.1	0.0%	1.3	447	2.2	1,834	9.3	1.1	49.8%	11.5%	
VCI	Chứng khoán	36.9	3.1%	1.0	266	1.4	3,770	9.8	1.5	27.1%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	20.7	-0.2%	1.6	275	1.2	1,705	12.1	1.4	48.7%	11.8%	
FPT	Công nghệ	51.5	1.2%	0.8	1,755	3.3	4,236	12.2	2.7	49.0%	23.1%	
FOX	Công nghệ	51.0	-0.2%	0.4	607	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	70.4	-0.8%	1.4	5,858	2.4	4,752	14.8	2.9	3.1%	19.7%	
PLX	Dầu khí	49.0	1.7%	1.5	2,597	1.1	867	56.5	3.0	16.0%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.0	0.0%	1.5	270	2.3	1,339	9.7	0.5	10.0%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.7	0.0%	0.8	903	0.6	898	7.5	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	102.0	0.0%	0.5	580	0.0	5,405	18.9	4.0	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	16.3	2.2%	0.4	276	0.9	2,011	8.1	0.8	11.9%	10.4%	
DCM	Hóa chất	11.9	2.1%	0.5	274	1.4	872	13.6	1.0	3.6%	7.4%	
VCB	Ngân hàng	83.0	-0.7%	1.1	13,384	4.0	4,630	17.9	3.3	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	38.5	-0.4%	1.3	6,733	2.8	2,126	18.1	2.0	17.4%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	29.0	-0.3%	1.2	4,695	11.4	2,948	9.8	1.3	29.3%	14.0%	
VPB	Ngân hàng	23.6	1.3%	1.2	2,501	6.1	4,111	5.7	1.2	23.2%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	17.8	0.0%	1.1	2,146	4.4	2,995	5.9	1.1	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	24.1	0.8%	0.9	2,265	4.6	3,109	7.8	1.6	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	54.3	-0.4%	0.8	193	0.2	6,186	8.8	1.9	81.0%	20.7%	
NTP	Nhựa	34.6	2.1%	0.4	177	0.1	3,820	9.1	1.5	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	15.8	-3.1%	0.3	680	0.2	356	44.4	1.3	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	30.6	-0.2%	1.2	4,401	25.1	3,241	9.4	1.8	34.2%	21.3%	
HSG	Thép	15.0	1.4%	1.5	290	5.8	1,767	8.5	1.1	9.5%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	108.0	1.0%	0.8	9,812	12.4	4,615	23.4	7.5	49.6%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	184.3	-0.1%	0.8	5,139	0.5	6,312	29.2	6.0	63.1%	22.6%	
MSN	Tiêu dùng	84.0	0.0%	1.1	4,290	14.5	3,255	25.8	4.2	36.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.7	1.4%	0.9	375	2.1	619	23.8	1.2	5.3%	5.3%	
ACV	Vận tải	61.6	-0.2%	0.8	5,831	0.4	3,450	17.9	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	101.2	-1.1%	1.1	2,305	2.3	3,480	29.1	3.5	17.5%	12.3%	
HVN	Vận tải	24.9	1.0%	1.7	1,532	0.2	(3,871)	N/A	N/A	3.1	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.5	4.7%	0.9	303	0.9	1,381	17.0	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.2	0.4%	1.2	161	0.7	1,966	6.7	0.8	17.6%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	72.3	2.6%	1.0	488	0.7	8,104	8.9	3.4	2.8%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.1	0.9%	0.7	449	0.1	1,411	16.3	1.6	7.7%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.7%	0.9	250	0.3	1,762	8.6	1.0	6.0%	11.9%	
CTD	Xây dựng	56.4	-0.2%	1.0	187	1.5	8,453	6.7	0.5	46.6%	7.9%	
CII	Xây dựng	16.5	-0.6%	0.2	171	0.8	1,562	10.5	0.8	32.4%	7.6%	
REE	Điện	41.9	0.7%	-1.4	565	0.7	4,780	8.8	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	21.7	0.7%	-0.4	150	0.1	2,176	10.0	0.9	14.3%	9.9%	
POW	Điện	9.4	-2.0%	0.6	957	3.0	933	10.1	0.8	9.9%	8.1%	
NT2	Điện	22.7	0.9%	0.6	284	0.1	2,103	10.8	1.6	19.3%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	13.9	0.4%	0.8	283	0.8	1,156	12.0	0.7	18.2%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	39.5	0%	1.0	1,778	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	106.50	5.76	5.59	972400
VNM	108.00	1.03	0.55	2.68MLN
GVR	14.15	3.28	0.51	3.45MLN
MWG	104.70	2.35	0.31	1.43MLN
PLX	49.00	1.66	0.30	523960

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.63	1.09MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-0.45	28.89MLN	607060
GAS	0.00	-0.33	786390.00	373600
VRE	0.00	-0.20	4.96MLN	192700
VHM	0.00	-0.19	3.01MLN	611640

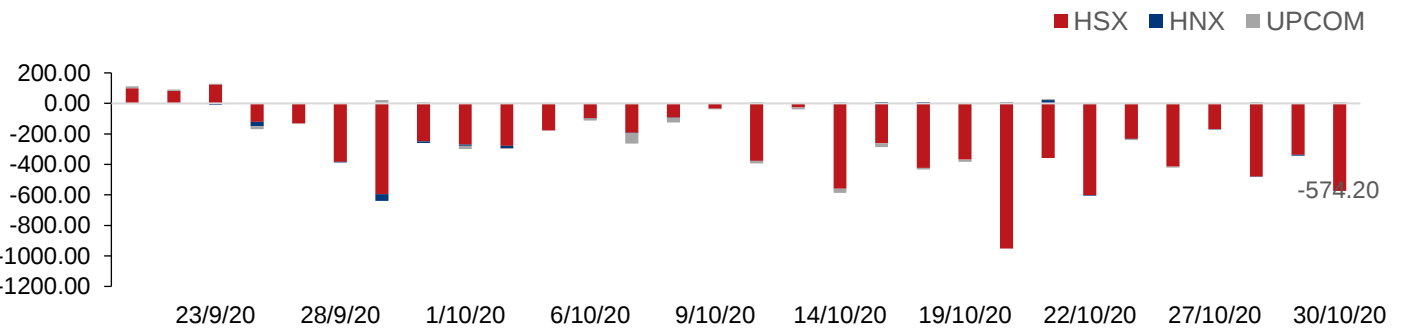
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	44.90	6.90	0.03	10.00
CVT	25.60	6.89	0.02	2.15MLN
TCR	3.31	6.77	0.00	40
VMD	23.90	6.70	0.01	20
VDS	8.00	6.67	0.01	5030

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	12.00	-6.98	0.00	10
HTL	15.45	-6.93	0.00	1900
PNC	8.75	-6.91	0.00	5820.00
TN1	54.00	-6.90	-0.02	4480
DAH	4.25	-6.80	0.00	3.17MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	104.7	8,517	12.3	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.5	885	9.6	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	40.9	5,130	8.0	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	25.0	2,066	12.1	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	30.6	3,241	9.4	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.2	2,627	10.4	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.6	4,111	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	42.0	13,673	3.1	1.1	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	84.0	3,255	25.8	4.2	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	40.4	5,316	7.6	1.5	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.0	1,767	8.5	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	42.2	5,479	7.7	2.1	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	23.3	1,816	12.8	1.9	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	30.6	3,241	9.4	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.4	3,258	6.6	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	69.5	4,592	15.1	3.2	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.0	4,105	26.3	9.3	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.5	-151	#N/A N/A	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.3	1,928	11.1	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	23.2	7,583	3.1	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.1	4,752	5.7	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	53.4	5,241	10.2	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.0	4,630	17.9	3.3	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.1	3,109	7.8	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	40.9	5,130	8.0	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	55.1	3,674	15.0	2.4	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	51.5	4,236	12.2	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,381	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.9	1,156	12.0	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	184.3	6,312	29.2	6.0	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	25.0	2,066	12.1	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	108.0	4,615	23.4	7.5	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	10.9	1,340	8.1	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	104.7	8,517	12.3	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	18.8	1,918	9.8	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.0	5,405	18.9	4.0	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.2	1,966	6.7	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	69.5	4,592	15.1	3.2	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.8	4,313	7.4	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	231.7	14,782	15.7	6.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639